https://archive.org/search?query=creator%3A%22Vijjathiennhan%22

Internet Archive: Digital Library of Free & Borrowable Texts, Movies, Music & Wayback Machine

https://archive.org/details/@tritm_photo_2_tri_tm

https://archive.org/details/@tripclathho_tr_tm

I. LỄ BÁI TAM BẢO
RATANATTAYAPUJĀ

_()_ Arahaṃ sammāsambuddho Bhagavā Buddhaṃ bhagavantaṃ abhivādemi.

Nhất tâm đảnh lễ đức thế Tôn bậc A la hán, Chánh đẳng, chánh giác, ngài là thiên nhân từ phụ, bi trí vẹn toàn.

_()_ Svākhato Bhagavatā dhammo dhammaṃ namassāmi

Nhất tâm lễ bái Giáo pháp do đức Thế tôn khéo thuyết giảng, đạo chuyển mê khai ngộ, thiết thực hiện tiền, vượt thời gian.

_()_ Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṅgho sanghaṃ namāmi.

Nhất tâm kính lễ chư Thánh hiền tăng đệ tử của đức Thế tôn, các ngài là bậc hoằng truyền chánh pháp, xứng đáng cho chúng sanh lễ bái cúng dường.

II. NAMASSAKĀRA
PHÉP LỄ BÁI

_()_ Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa. (3 lần)

Tôi đem hết lòng thành kính làm lễ Đức BHAGAVĀ đó, Ngài là bậc ARAHAṂ cao thượng, được chứng quả Chánh-Biến-Tri, do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy. (3 lần)

III. SARAṆAGAMANA
(TAM QUY)

Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

(Tôi đem hết lòng thành kính) xin Quy y Phật.

Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

(Tôi đem hết lòng thành kính) xin Quy y Pháp.

Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

(Tôi đem hết lòng thành kính) xin Quy y Tăng.

Dutiyampi buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

(Tôi đem hết lòng thành kính) xin Quy y Phật, lần thứ nhì.

Dutiyampi dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

(Tôi đem hết lòng thành kính) xin Quy y Pháp, lần thứ nhì.

Dutiyampi saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

(Tôi đem hết lòng thành kính) xin Quy y Tăng, lần thứ nhì.

Tatiyampi buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

(Tôi đem hết lòng thành kính) xin Quy y Phật, lần thứ ba.

Tatiyampi dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

(Tôi đem hết lòng thành kính) xin Quy y Pháp, lần thứ ba.

Tatiyampi saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

(Tôi đem hết lòng thành kính) xin Quy y Tăng, lần thứ ba.

IV. BUDDHA GUṆA - ÂN ĐỨC PHẬT

Itipi so Bhagavā

1 - Arahaṃ (Ứng Cúng)

Đức Thế Tôn hiệu *Arahaṃ* bởi Ngài đã xa lìa các tội lỗi nên tiền khiên tật thân và khẩu của Ngài đều được trọn lành.

2 - Sammā-sambuddho (Chánh Biến Tri)

Đức Thế Tôn hiệu *Sammā Sambuddho* bởi Ngài đã thành bậc Chánh Đẳng, Chánh Giác, tự Ngài ngộ lấy không thầy chỉ dạy.

3 - Vijjācarana-sampanno (Minh Hạnh Túc)

Đức Thế Tôn hiệu *Vijjācaranasampanno* bởi Ngài toàn đắc 3 cái giác, 8 cái giác và 15 cái hạnh.

4 - Sugato (Thiện Thệ)

Đức Thế Tôn hiệu *Sugato* bởi Ngài đã ngự đến nơi an lạc, bất sanh, bất diệt. Đại Niết Bàn:

5 - Lokavidū (Thế Gian Giải)

Đức Thế Tôn hiệu *Lokavidū* , bởi Ngài đã thông suốt Tam Giới.

6 - Anuttaro (Vô Thượng Sĩ)

Đức Thế Tôn hiệu *Anuttaro* bởi Ngài có đức hạnh không ai bì.

7 - Purisadammasārathi (Điều Ngự Trượng Phu)

Đức Thế Tôn hiệu *Purisadammasārathi* bởi Ngài là đấng tế độ những người hữu duyên nên tế độ.

8 - Satthā-devamanus-sānaṃ (Thiên Nhơn Sư)

Đức Thế Tôn hiệu *Satthādevama-nussānaṃ* bởi Ngài là thầy cả Chư Thiên và nhân loại.

9 - Buddho (Phật)

Đức Thế Tôn hiệu *Buddho* bởi Ngài Giác Ngộ lý Tứ Diệu Đế và đem ra giáo hóa chúng sanh cùng biết với.

10 - Bhagavāti (Thế Tôn)

Đức Thế Tôn hiệu *Bhagavā* bởi Ngài đã siêu xuất Tam Giới tức là Ngài không còn luân hồi lại nữa. (lạy)

V. DHAMMA GUṆA - ÂN ĐỨC PHÁP BẢO

1 - Svākkhāto Bhagavatā.

nghĩa là tam tạng Pháp Bảo của Đức Thế Tôn đã khẩu truyền y theo chánh pháp.

2 - Dhammo.

là Pháp Thánh có 9 hạng: "4 đạo 4 quả và 1 Niết Bàn".

3 - Sandiṭṭhiko.

là Pháp mà Chư Thánh đã thấy chắc, biết chắc bởi nhờ kiến tánh, chẳng phải vì nghe, vì tin kẻ nào khác, nghĩa là tự mình thấy rõ chơn lý.

4 - Akāliko.

là Pháp độ cho đắc quả không chờ ngày giờ, là khi nào đắc đạo thì đắc quả không chậm trễ.

5 - Ehipassiko.

là Pháp của Chư Thánh đã đắc quả rồi, có thể ứng hóa cho kẻ khác biết được.

6 - Opanayiko.

là Pháp của Chư Thánh đã có trong mình do nhờ phép Thiền Định.

7 - Paccattaṃ veditabbo viññū hīti.

là Pháp mà các hàng trí tuệ nhất là bậc Thượng Trí được biết, được thấy tự nơi tâm. (lạy)

VI. SAṄGHA GUṆA - ÂN ĐỨC TĂNG BẢO

1 - Suppaṭipanno bhagavato sāva-kasaṅgho.

Tăng là các bậc Thinh Văn đệ tử Phật. Các Ngài đã tu hành chín chắn y theo chánh pháp.

2 - Ujupaṭipanno bhagavato sāva-kasaṅgho.

Tăng là các bậc Thinh Văn đệ tử Phật, các Ngài đã tu hành chín chắn y theo Thánh Pháp.

3 - Ñayapaṭipanno bhagavato sāva-kasaṅgho.

Tăng là các bậc Thinh Văn đệ tử Phật, các Ngài tu hành để Giác Ngộ Niết Bàn, là nơi an lạc dứt khỏi các sự thống khổ.

4 - Sāmīcipaṭipanno bhagavato sāva-kasaṅgho.

Tăng là các bậc Thinh Văn đệ tử Phật, các Ngài đã tu theo phép Giới Định Tuệ.

5 - Yadidaṃ cattāri purisa-yugāni.

Tăng nếu đếm đôi thì có bốn bậc:

Tăng đã đắc đạo cùng quả Tu Đà Huờn,
Tăng đã đắc đạo cùng quả Tư Đà Hàm,
Tăng đã đắc đạo cùng quả A Na Hàm,
Tăng đã đắc đạo cùng quả A La Hán,

6 - Aṭṭha purisa-puggalā

Tăng nếu đếm chiếc thì có tám bậc:

Tăng đã đắc đạo Tu Đà Hườn,
Tăng đã đắc đạo quả Tu Đà Hườn,
Tăng đã đắc đạo Tư Đà Hàm,
Tăng đã đắc quả Tư Đà Hàm,
Tăng đã đắc đạo A Na Hàm,
Tăng đã đắc quả A Na Hàm,

Tăng đã đắc đạo A La Hán,
Tăng đã đắc quả A La Hán,

7 - Esa Bhagavato sāvakasaṅgho.

Chư Tăng ấy là các bậc Thinh Văn đệ tử Phật.

8 - Āhuneyyo.

Các Ngài đáng thọ lãnh bốn món vật dụng của tín thí, ở phương xa đem đến dâng cúng cho những người có giới hạnh.

9 - Pāhuneyyo.

Các Ngài đáng thọ lãnh của tín thí, mà họ dành để cho thân quyến cùng bầu bạn ở các nơi, nhưng họ lại đem đến dâng cúng cho các Ngài.

10 - Dakkhiṇeyyo.

Các Ngài đáng thọ lãnh của Tín thí, tin lý nhân quả đem đến dâng cúng.

11 - Añjalikaranīyo.

Các Ngài đáng cho chúng sanh lễ bái.

12 - Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokas-sāti.

Các Ngài là phước điền của chúng sanh không đâu bì kịp. (lạy)

VII. BUDDHA JAYAMAṆGALA
KỆ HẠNH PHÚC THÙ THẮNG

1. Bāhuṁ sahassamabhinimmita sāyudhantaṁ
Girimekhalaṁ uditaghorasasenamāraṁ
Dānādidhammavidhinā jitavā Munindo
Taṁ tejasā bhavatu te jayamaṅgalani.

(Đức Phật cao thượng hơn các bậc trí tuệ, Ngài đã cảm thắng Ma Vương. Ma Vương biến thành ngàn cánh tay đều cầm khí giới, cưỡi voi Girimekhala đủ cả binh ma, tiếng hét la vang rền. Nhờ Pháp Thập độ, nhất là pháp Bố Thí mà Đức Phật đã cảm thắng được Ma Vương. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sinh đến người)

2. Mārātirekamabhiyujjhita sabbarattim
Ghorampanāḷavakamakkhamathaddhayakkhaṁ
Khantīsudantavidhinā jitavā Munindo
Taṁ tejasā bhavatu te jayamaṅgalani.

(Đức Phật đã cảm thắng được dạ xoa Āḷavaka rất ngang ngạnh, trổ tài ra oai trọn đêm trước Đức Phật. Dạ xoa rất hung ác và trí lực hơn cả Ma Vương nhưng đã bị Đức Chánh Biến Tri dùng Pháp nhẫn nại thu phục. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sinh đến người)

3. Nāḷaāgiriṁ gajavaraṁ atimattabhūtaṁ
Dāvaggicakkamasanīva, sudāruṅantaṁ
Mettambuseka vidhinā jitavā Munindo
Taṁ tejasā bhavatu te jayamaṅgalani.

(Đức Phật đã cảm thắng được voi dữ Nāḷāgiri đang nổi cơn hung dữ như lửa rừng, như sấm sét bằng cách rải lòng Từ Bi. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sinh đến người)

4. Ukkhittakhaggamatihaṭṭha sudāruṅantaṁ
Dhāvantiyojanapathaṅgulimālavantaṁ
Iddhībhisaṅkhatamano jitavā Munindo
Tam tejasa bhavatu te jayamangalani.

(Đức Phật dùng phép Thần Thông cảm thắng Aṅgulimāla - tên kẻ cướp sát nhân hung bạo, chuyên giết người lấy ngón tay xỏ làm tràng hoa đeo cổ khi Ngài bị tên cướp cầm gươm rượt xa ba do - tuần. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sinh đến người)

5. Katvāna kaṭṭhamudaraṁ iva gabbhinīyā
Ciñcāya duṭṭhavacanaṁ janakāyamajjhe
Santena somavidhinā jitavā Munindo
Taṁ tejasā bhavatu te jayamaṅgalani.

(Đức Phật đã hóa giải những lời vu khống ác độc của nàng Ciñcā khi nàng rắp tâm quấn khúc gỗ giả làm đứa trẻ trong bụng để mang thai. Nhờ dùng Pháp Chánh Định mà Đấng Toàn Tri đã cảm thắng được nàng giữa chốn đông người. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sinh đến người)

6. Saccaṁ vihāyamatisaccakavādaketuṁ
Vādābhiropitamanaṁ ati - andhabhūtaṁ
Paññapadīpajalito jitavā Munindo
Taṁ tejasā bhavatu te jayamaṅgalani.

(Đức Phật sáng suốt nhờ ngọn đèn Tuệ, Ngài đã cảm thắng kẻ ngoại đạo Saccaka là kẻ không ngay thật, chỉ ưa sự phỉnh nịnh và kiêu căng, là kẻ rất u mê chẳng khác gì người mù. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sinh đến người)

7. Nandopanandabhujagaṁ vibudhaṁ mahiddhiṁ
Puttena therabhujagena damāpayanto
Iddhūpadesavidhinā jitavā Munindo
Taṁ tejasā bhavatu te jayamaṅgalani.

(Đức Phật dạy Đại đức Moggallāna biến làm Long Vương để thu phục rồng chúa Nandopananda, là rồng chúa có nhiều thần thông nhưng đầy tà kiến. Nhờ dạy Đại đức Moggallāna mà Đức Chánh Biến Tri đã nhiếp phục được rồng chúa ấy. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sinh đến người)

8. Duggāhadiṭṭhibhujagena sudaṭṭhahatthaṁ
Brahmaṁ viduddhijutimiddhibakābhidhānaṁ
Ñāṅāgadena vidhinā jitavā Munindo
Taṁ tejasā bhavatu te jayamaṅgalani.

(Đức Phật đã cảm thắng Đại Phạm Thiên Baka có thần thông, là vị tự cho mình là cao thượng, có đức trong sạch nên đã chấp hẳn vào tà kiến. Nhờ Giác Tuệ mà Đấng Chánh Biến Tri đã nhiếp phục được Đại Phạm Thiên ấy. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sinh đến người)

9. Etāpi Buddhajayamaṅgalaṭṭhagāthā
Yo vācako dinadine sarate matandī
Hitvāna nekavividhāni cupaddavāni
Mokkhaṁ sukhaṁ adigameyya naro sapañño.

(Những người có trí tuệ, không biếng nhác, thường ngày hằng tụng hoặc niệm tám kệ ngôn, tán dương oai lực của Đấng Chánh Biến Tri, thì sẽ tránh khỏi vô số nạn tai, và sẽ chứng quả Niết Bàn tối thượng)

VIII. JAYAPARITTAGĀTHĀ
KỆ HỘ TRÌ TỐI THẮNG

Mahākāruṇiko nātho,
Hitāya sabbapāṇinaṃ,
Pūretvā pāramī sabbā,
Patto sambodhimuttanaṃ.

Đức Chánh-Biến-Tri là đấng cứu thế, Ngài gồm có đức Đại Bi, Ngài bổ khuyết tất cả Pháp**PĀRAMĪ** đem lợi ích đến chúng sanh rồi, Ngài chứng quả Toàn Giác tối thượng.

Etena saccavajjena,
Hotu te jayamaṅgalaṃ.

Do lời chân thật nầy, xin cho hảo vận phát sanh đến người.

Jayanto bodhiyā mūle,
Sakyānaṃ nandivaddhano,

Evaṃ tvaṃ vijayo hohi,
Jayassu jayamaṅgale,
Aparājitapallaṅke,
Sīse paṭhavipokkhare.

Đức Chánh-Biến-Tri khuyến khích cả dòng Thích-Ca được hân hoan phát đạt, Ngài đã cảm thắng Ma Vương rồi đắc bậc tối cao, Ngài thỏa mãn (Pháp Ngài Giác ngộ) trên bảo tọa bất khả chinh phục kế cận cội Bồ-Đề, ngay trung tâm địa cầu.

Abhiseke sabbabuddhānaṃ,
Aggappatto pamodati.

Như lá sen là nơi đăng quang của Chư Phật thế nào, xin cho người chiến thắng (nghịch pháp) như vậy.

Sunakkhattaṃ sumaṅgalaṃ,
Supabhātaṃ suhuṭṭhitaṃ,
Sukhaṇo sumuhutto ca,
Suyiṭṭhaṃ brahmacārisu.

Giờ nào chúng sanh thực hành thân, khẩu, ý trong sạch, giờ đó gọi là vận mệnh tốt, là giờ xán lạn, là khắc tốt, là canh tốt, (tài thí mà) người đã cúng dường đến các bậc Phạm Hạnh rồi (giờ đó) gọi là cúng dường [12] chân chánh.

Padakkhiṇaṃ kāyakammaṃ,
Vācākammaṃ padakkhiṇaṃ,
Padakkhiṇaṃ manokammaṃ,
Paṇidhī te padakkhiṇā,
Padakkhiṇāni katvāna,
Labhantatthe padakkhiṇe.

Ngày đó gọi là có nghiệp thân phát đạt, nghiệp khẩu phát đạt, nghiệp ý phát đạt. Sự nguyện vọng của những người đó, cũng gọi là nguyện vọng phát đạt. Người tạo nghiệp thân, nghiệp khẩu, nghiệp ý phát đạt như thế, rồi sẽ được những lợi ích phát đạt.

So atthaladdho sukhito,
Viruḷho buddhasāsane,
Arogo sukhito hohi,
Saha sabbehi ñātibhi.

Người (nam) ấy hãy được lợi ích, được an vui, hãy được phát đạt trong Phật giáo, hãy đừng có bịnh hoạn, cho được an vui cùng với quyến thuộc cả thảy.

Sā atthaladdhā sukhitā,
Viruḷhā buddhasāsane,
Arogā sukhitā hohi,
Saha sabbehi ñātibhi.

Người (nữ) ấy hãy được lợi ích, được an vui, hãy được phát đạt trong Phật giáo, hãy đừng có bịnh hoạn, cho được an vui cùng với quyến thuộc cả thảy.

Te atthaladdhā sukhitā,
Viruḷhā buddhasāsane,
Arogā sukhitā hotha,
Saha sabbehi ñātibhi.

Tất cả người (nam và nữ) ấy hãy được lợi ích, được an vui, hãy được phát đạt trong Phật giáo, hãy đừng có bịnh hoạn, cho được an vui cùng với quyến thuộc cả thảy.

* * *

IX. DHAMMACAKKAPPAVATTANASUTTĀRAMBHO
BỐ CÁO KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN

Anuttaraṃ abhisambodhiṃ,
Sambujjhitvā Tathāgato,
Paṭhamaṃ yaṃ adesesi,
Dhammacakkaṃ anuttaraṃ,
Sammadeva pavattento,
Loke appaṭivattiyaṃ.

Đức Như Lai là đấng Giáo chủ, đã chứng bậc vô thượng Chánh-Đẳng Chánh-Giác, những Pháp trong thế gian chẳng ai hành được, Ngài có thể làm cho hành theo được, rất chơn chánh.

Yathākkhātā ubho antā,
Paṭipatti ca majjhimā,
Catūsvāriyasaccesu,
Visuddhaṃ ñāṇadassanaṃ.

Ngài chuyển Pháp-Luân lần đầu giảng giải về 2 Pháp thái quá, là Pháp thấp thỏi, cùng con đường Trung đạo, và Trí tuệ hiểu thấy phân minh Tứ Diệu-Đế là Trí tuệ thanh bạch.

Desitaṃ dhammarājena,
Sammāsambodhikittanaṃ,
Nāmena vissutaṃ suttaṃ.

Nay tôi tụng kinh "Chuyển Pháp-Luân" của đức Chánh-Biến-Tri, là bậc Pháp-Vương, đã diễn giải chắc chắn.

Dhammacakkappavattanaṃ,
Veyyākaraṇapāṭhena,
Saṅgītantambhaṇāma se.

Kinh ấy công bố về quả Chánh-Biến-Tri, mà các bậc **A-XÀ-LÊ** đã hội họp kết tập, chỉnh đốn theo Phạn Ngữ (**PĀLI**) bằng văn thường, không lẫn lộn kệ ngôn.

-ooOoo-

X. DHAMMACAKKAPPAVATTANASUTTA
KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN

Evamme suttaṃ.

Tôi (tên là A-NAN-ĐA) được nghe lại như vầy:

Ekaṃ samayaṃ Bhagavā Bārāṇasiyaṃ viharati Isipatane migadāye.

Thuở đức Thế Tôn ngự tại rừng Hưu (Isipatanamigadāyavana) gần thành Bārāṇasī.

Tatra kho Bhagavā pañcavaggiye bhikkhū āmantesi.

Đức Thế Tôn một hôm gọi 5 Thầy Tỳ khưu, ngụ nơi ấy, dạy rằng:

Dveme bhikkhave antā pabbajitena na sevitabbā.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! 2 Pháp thái quá, là Pháp tu thấp thỏi. Những bậc xuất gia, chẳng nên xu hướng theo, chẳng nên hành theo.

Katame dve?

Hai Pháp thái quá ấy, thế nào?

Yo cāyaṃ kāmesu kāmasukhallikānuyogo hīno, gammo.

Một là, Pháp làm cho thân tâm quyến-quyến theo tình dục, Pháp hèn hạ.

Pothujjaniko, anariyo.

Pháp của kẻ thế, Pháp của Phàm nhơn, chẳng phải của bậc cao nhơn.

Anatthasañhito.

Chẳng có lợi ích chi.

Yo cāyaṃ attakilamathānuyogo dukkho.

Hai là, Pháp làm cho khổ khắc thân tâm, nhân làm cho thân hình đau đớn.

Anariyo.

Chẳng phải là Pháp của bậc cao nhơn.

Anatthasañhito.

Chẳng có lợi ích chi.

Ete te [kho] bhikkhave ubho ante anupagamma majjhimā paṭipadā Tathāgatena abhisambuddhā cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Sự tu hành theo con đường giữa, không thiên theo 2 điều thái quá ấy, mà Như Lai đã được đại ngộ, là Pháp làm cho phát sanh, sự thấy biết phân minh, sự an tịnh có Trí tuệ, sự hiểu biết chơn chánh, sự dứt khổ.

Katamā ca sā bhikkhave majjhimā paṭipadā Tathāgatena abhisambuddhā cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Sự tu hành theo con đường giữa, mà Như Lai đã được đại ngộ, là sự tu hành cho phát sanh Tuệ Nhãn, sự hiểu biết phân minh đích xác, sự an tịnh có Trí tuệ, sự hiểu biết chơn chánh, sự dứt khổ ấy là thế nào?

Ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo.

Là Bát Chánh đạo, Pháp như con đường có 8 nẻo cao thượng.

Seyyathidaṃ?

Bát Chánh đạo ấy thế nào?

Sammādiṭṭhi.

Thấy hiểu chơn chánh.

Sammāsaṅkappo.

Suy nghĩ chơn chánh

Sammāvācā

Nói lời chơn chánh.

Sammākammanto.

Nghề nghiệp chơn chánh.

Sammāājīvo

Nuôi mạng chơn chánh.

Sammāvāyāmo.

Tinh tấn chơn chánh.

Sammāsati

Tư tưởng chơn chánh

Sammāsamādhi.

Định tâm chơn chánh.

Ayaṃ kho sā bhikkhave majjhimā paṭipadā Tathāgatena abhisambuddhā cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Bát chánh đạo, là con đường giữa, mà Như Lai đã đi và đã được đại ngộ, là sự tu hành theo, cho đặng phát sanh Tuệ Nhãn, sự hiểu biết phân minh thật tướng, tu cho đặng sự an tịnh, cho có Trí tuệ, cho đặng hiểu biết chơn chánh, cho đặng dứt khổ.

Idaṃ kho pana bhikkhave dukkhaṃ ariyasaccaṃ jātipi dukkhā jarāpi dukkhā byādhipi dukkhā maraṇampi dukkhaṃ sokaparidevadukkhadomanassupāyāsāpi dukkhā appiyehi sampayogo dukkho piyehi vippayogo dukkho yampicchaṃ na labhati.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Sanh, là sự hội họp ngũ uẩn, là nhân đem đến sự khổ; Lão, là già cả yếu đuối, cũng là nhân đem đến sự khổ; Bịnh, là sự đau ốm cũng là nhân đem đến sự khổ; Tử, là sự tan rã ngũ uẩn, cũng là nhân đem đến sự khổ; Uất ức, bực tức trong lòng không bày tỏ ra được, cũng là nhân đem đến sự khổ; Không ưa mà họp, cũng là nhân đem đến sự khổ; Ưa mà phải lìa, cũng là nhân đem đến sự khổ.

Tampi dukkhaṃ saṅkhittena pañcupādānakkhandhā dukkhā.

Các sự thống khổ hầu hết có nhân sanh khổ ấy, gọi là Khổ Diệu-đế.

Idaṃ kho pana bhikkhave dukkhasamudayo ariyasaccaṃ yāyaṃ taṇhā ponobbhavikā nandirāgasahagatā.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Sự thương muốn nào hằng tạo ra kiếp thoát sanh mới, do bởi tình dục là mối ham muốn trong lòng, thường thường ưa thích điều vui sướng theo các cảnh giới; Sự thương muốn ấy là thế nào?

Tatra tatrābhinandinī seyyathidaṃ kāmataṇhā bhavataṇhā vibhavataṇhā.

Sự thương muốn ấy là:

- Ca-má-tanh-ha (Kāmataṇhā) [1].
- Phá-quá-tanh-ha (Bhavataṇhā) [2].
- Quí-phá-quá-tanh-ha (Vibhavataṇhā) [3].

Cả 3 sự thương muốn ấy gọi là Tập khổ Diệu-đế.

Idaṃ kho pana bhikkhave dukkhanirodho ariyasaccaṃ yo tassāyeva taṇhāya asesavirāganirodho cāgo paṭinissaggo mutti anālayo.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Cách dứt khỏi sự thương muốn, chẳng còn dư sót, do nhờ Bát-Chánh-Đạo, cách tránh khỏi ái dục, cách dứt bỏ ái dục, cách thoát khỏi ái dục chẳng còn dư sót, do nhờ Bát-Chánh-Đạo ấy, gọi là Diệt khổ Diệu-đế.

Idaṃ kho pana bhikkhave
dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ
ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo
seyyathidaṃ sammādiṭṭhi sammāsaṅkappo
sammāvācā sammākammanto sammāājivo
sammāvāyāmo sammāsati sammāsamādhi.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Bát-Chánh-Đạo cao thượng ấy là thế nào? Là:
Hiểu biết chơn chánh;
Suy nghĩ chơn chánh;
Nói lời chơn chánh;
Nghề nghiệp chơn chánh;
Nuôi mạng chơn chánh;
Tinh tấn chơn chánh;
Tư tưởng chơn chánh;
Định tâm chơn chánh;
Bát-Chánh-Đạo ấy gọi là: Diệt khổ Đạo Diệu-đế.

Idaṃ dukkhaṃ ariyasaccanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Tuệ thấy rõ đã phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm đã phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoài nghi đã phát sanh, tuệ diệt vô minh đã phát sanh đến Như Lai rồi. Trong các Pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được nghe, được hiểu rằng: Đây là Khổ Diệu-đế như thế.

Taṃ kho panidaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññeyyanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Tuệ thấy rõ đã phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm đã phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoài nghi đã phát sanh, tuệ diệt vô minh đã phát sanh đến Như Lai rồi. Trong các Pháp mà lúc đầu Như Lai chưa

từng được nghe, được hiểu rằng Khổ Diệu-đế nầy, nên ghi nhớ bằng Trí tuệ như thế.

Taṃ kho panidaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññātanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Tuệ thấy rõ đã phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm đã phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoài nghi đã phát sanh, tuệ diệt vô minh đã phát sanh đến Như Lai rồi. Trong các Pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được nghe, được hiểu rằng: Khổ Diệu-đế nầy, Như Lai đã ghi nhớ được rồi như thế.

Idaṃ dukkhasamudayo ariyasaccanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Tuệ thấy rõ đã phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm đã phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoài nghi đã phát sanh, tuệ diệt vô minh đã phát sanh đến Như Lai rồi. Trong các Pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được nghe, được hiểu rằng: Đây là Tập khổ Diệu-đế như thế.

Taṃ kho panidaṃ dukkhasamudayo ariyasaccaṃ pahātabbanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Tuệ thấy rõ đã phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm đã phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoài nghi đã phát sanh, tuệ diệt vô minh đã phát sanh đến Như Lai rồi. Trong các Pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được thấy được hiểu rằng: Tập khổ Diệu-đế nầy, phải dứt trừ như thế.

Taṃ kho panidaṃ dukkhasamudayo ariyasaccaṃ pahīnanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Tuệ thấy rõ đã phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm đã phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoài nghi đã phát sanh, tuệ diệt vô minh đã phát sanh đến Như Lai rồi. Trong các Pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được thấy, được hiểu rằng: Tập khổ Diệu-đế nầy, Như Lai đã hành được phân minh như thế.

Idaṃ dukkhanirodho ariyasaccanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Tuệ thấy rõ đã phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm đã phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoài nghi đã phát sanh, tuệ diệt vô minh đã phát sanh đến Như Lai rồi. Trong các Pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được thấy, được hiểu rằng: Đây là Diệt-khổ Diệu-đế như thế .

Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodho ariyasaccaṃ sacchikātabbanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Tuệ thấy rõ đã phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm đã phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoài nghi đã phát sanh, tuệ diệt vô minh đã phát sanh đến Như Lai rồi. Trong các Pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được thấy, được hiểu rằng: Diệt-khổ Diệu-đế nầy phải hành cho phân minh như thế.

Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodho ariyasaccaṃ sacchikatanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Tuệ thấy rõ đã phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm đã phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoài nghi đã phát sanh, tuệ diệt vô minh đã phát sanh đến Như Lai rồi. Trong các Pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được nghe, được hiểu rằng: Diệt-khổ Diệu-đế nầy Như Lai đã hành được phân minh như thế.

Idaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Tuệ thấy rõ đã phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm đã phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoài nghi đã phát sanh, tuệ diệt vô minh đã phát sanh đến Như Lai rồi. Trong các Pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được nghe, được hiểu rằng: Đây là Diệt-khổ Đạo Diệu-đế như thế.

Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvetabbanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Tuệ thấy rõ đã phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm đã phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoài nghi đã phát sanh, tuệ diệt vô minh đã phát sanh đến Như Lai rồi. Trong các Pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được thấy, được hiểu rằng: Diệt-khổ Đạo Diệu-đế nầy phải hành cho tăng tiến như thế.

Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvitanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Tuệ thấy rõ đã phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm đã phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoài nghi đã phát sanh, tuệ diệt vô minh đã phát sanh đến Như Lai rồi. Trong các Pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được nghe, được hiểu rằng: Diệt-khổ Đạo Diệu-đế nầy, Như Lai đã hành được tăng tiến rồi như thế.

Yāvakīvañca me bhikkhave imesu catūsu ariyasaccesu evantiparivaṭṭaṃ dvādasākāraṃ yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ na suvisuddhaṃ ahosi.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Bao giờ Tuệ biết rõ, thấy rõ theo lẽ chánh: Có 3 Luân [4], 12 Thể [5] vận chuyển trong Tứ Diệu-Đế ấy chưa phát sanh trong sạch đến Như Lai.

Neva tāvāhaṃ bhikkhave sadevake loke samārake sabrahmake sassamaṇa brāhmaṇiyā pajāya sadevamanussāya anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho paccaññāsiṃ.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Trong khi Như Lai chưa có sự hiểu biết cao siêu hơn trong các thế giới luôn cả cõi Trời, cõi Ma Vương, cõi Phạm Thiên, trong vòng nhứt thiết chúng sanh, luôn cả bậc Sa-Môn và Bà-La-Môn, cùng chư nhơn và ngoài hạng người ra nữa, thì Như Lai cũng chưa gọi mình là bậc chứng quả Chánh-Biến-Tri vậy.

Yato ca kho me bhikkhave imesu catūsu ariyasaccesu evantiparivaṭṭaṃ dvādasākāraṃ yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ suvisuddhaṃ ahosi.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Khi nào Tuệ biết rõ, thấy rõ theo lẽ Chánh, có 3 luân và 12 thể, theo trong Tứ Diệu-Đế ấy đã phát sanh trong sạch đến Như Lai.

Athāhaṃ bhikkhave sadevake loke samārake sabrahmake sassamaṇa brāhmaṇiyā pajāya sadevamanussāya anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho paccaññāsiṃ.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Thì Như Lai được gọi là bậc Vô thượng Chánh-Biến-Tri, vì trong các thế giới, những cõi Trời, cõi Ma Vương, cõi Phạm Thiên trong vòng nhứt thiết chúng sanh, luôn cả bậc Sa-Môn, và Bà-La-Môn, cùng chư nhơn và ngoài hạng người ra nữa, chẳng có sự hiểu biết nào, cao siêu hơn sự hiểu biết của Như Lai.

Ñāṇañca pana me dassanaṃ udapādi akuppā me vimutti ayamantimā jāti natthidāni punabbhavoti.

Tuệ biết rõ, thấy rõ đã phát sanh cho nên Như Lai biết rằng sự giải thoát phiền não của Như Lai chẳng còn lay động, biến đổi nữa, kiếp nầy là kiếp chót, từ đây Như Lai chẳng còn thọ sanh kiếp khác nữa.

Idamavoca Bhagavā attamanā pañca vaggiyā bhikkhū Bhagavato bhāsitaṃ abhinandunti.

Đức Thế Tôn giảng giải kinh "Chuyển Pháp-Luân" rồi, 5 Thầy Tỳ khưu phát lòng hoan hỷ vô hạn.

Imasmiñca pana veyyākaraṇasmim bhaññamāne āyasmato Koṇḍaññassa virajaṃ vītamalaṃ dhammacakkhuṃ udapādi yaṃkiñci samudayadhammaṃ sabbantaṃ nirodhadhammanti.

Trong khi đức Như Lai giảng giải kinh vô kệ này, thì Pháp Nhãn là đạo Tu-Đà-Hườn, đạo diệt trừ bụi nhơ là tình dục, phát sanh đến Kiều-Trần-Như, Ngài đã biết rõ: Cái chi có tánh cách sanh tự nhiên, đều có tánh cách diệt tự nhiên.

Pavattite ca Bhagavatā dhammacakke bhummā devā saddamanussāvesuṃ etaṃ Bhagavatā Bārāṇasiyaṃ Isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇena vā brāhmaneṇa vā devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā lokasminti.

Khi đức Như Lai giảng giải kinh "Pháp-Luân" vừa dứt, tất cả Chư Thiên ngự trên địa cầu bèn ca tụng rằng: Bánh xe Pháp này là bánh xe vô thượng, những Sa-Môn, Bà-La-Môn, Chư Thiên, Ma Vương, Phạm Thiên hoặc một bậc nào trong thế giới, đều không diễn giải được. Chỉ có đức Như Lai Ngài giảng giải rồi, trong rừng **Isipatanamigadāya**, gần thành **Bārāṇasī.**

Bhummānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā Cātummahārājikā devā saddamanussāvesuṃ.

Chư Thiên trong cõi Tứ Đại Thiên-Vương được nghe tiếng ca tụng của Chư Thiên ngự trên địa cầu, rồi bèn đồng nhau ca tụng theo lời ngợi khen ấy.

Cātummahārājikānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā Tāvatiṃsā devā saddamanussāvesuṃ.

Chư Thiên trong cõi Trời Đạo-Lợi được nghe tiếng của Chư Thiên trong cõi Tứ Đại Thiên-Vương, rồi liền ca tụng y như thế ấy.

Tāvatiṃsānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā Yāmā devā saddamanussāvesuṃ.

Chư Thiên trong cõi Trời Dạ-Ma được nghe tiếng của Chư Thiên trong cõi Trời Đạo-Lợi, cũng đều ca tụng lời ngợi khen ấy.

Yāmānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā Tusitā devā saddamanussāvesuṃ.

Chư Thiên trong cõi Trời Đâu-Xuất-Đà được nghe tiếng của Chư Thiên trong cõi Trời Dạ-Ma, rồi cũng rập nhau ca tụng theo nữa.

Tusitānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā Nimmānaratī devā saddamanussāvesuṃ.

Chư Thiên trong cõi Trời Hóa Lạc Thiên, được nghe tiếng của Chư Thiên trong cõi Trời Đâu-Xuất-Đà rồi, đồng thinh ca tụng tiếp theo.

Nimmānaratīnaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā Paranimmitavasavattī devā saddamanussāvesuṃ.

Chư Thiên trong cõi Trời Tha Hóa Tự Tại được nghe tiếng của Chư Thiên trong cõi Trời Hóa Lạc Thiên, rồi cũng đồng nhau ca tụng lời ngợi khen ấy.

Paranimmitavasavattīnaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā Brahmakāyikā devā saddamanussāvesuṃ etaṃ Bhagavatā Bārāṇasiyaṃ Isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇena vā brāhmaṇena vā devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā lokasminti.

Chư Thiên trong hàng Phạm Thiên, được nghe tiếng của Chư Thiên trong cõi trời Tha Hóa Tự Tại, rồi cũng lập lại mà ca tụng như vầy: Chẳng có Pháp-Luân nào cao siêu hơn Pháp-Luân nầy. Chư Sa-Môn, Bà-La-Môn, Chư Thiên, Ma Vương, Phạm

Thiên, hoặc một người nào trong các thế giới cũng chẳng diễn giải được, chỉ có đức Thế Tôn Ngài đã giảng giải rồi, trong rừng Isipatanamigadāyavana, gần thành Bārāṇasī.

Itiha tena khaṇena tena muhuttena yāva Brahmalokā saddo abbhuggacchi ayañca dasasahassī lokadhātu saṅkampi sampakampi sampavedhi.

Tiếng ca tụng liên tiếp vang dội đến cõi Phạm Thiên chỉ trong nháy mắt. Do sự truyền báo ca tụng mà cả 10.000 thế giới thảy đều rung động, luôn cả trên dưới và các phương.

Appamāṇo ca uḷāro obhāso loke pāturahosi atikkamma devānaṃ devānubhāvanti.

Có cả hào quang rực rỡ vô cùng vô tận, cao siêu hơn hào quang của tất cả Chư Thiên, chiếu diệu trong thế giới.

Atha kho Bhagavā udānaṃ udānesi aññāsi vata bho Koṇḍañño aññāsi vata bho Koṇḍaññoti.

Liền đó đức Thế Tôn là đấng Giáo chủ bèn lên tiếng rằng: Kiều-Trần-Như đã được đại ngộ; A-Nhã-Kiều-Trần-Như đã được đại ngộ.

Itihidaṃ āyasmato Koṇḍaññassa Aññākoṇḍañño tveva nāmaṃ ahosīti.

Từ đây A-Nhã-Kiều-Trần-Như được gọi là đức Kiều-Trần-Như.

-ooOoo-

XII. HỒI HƯỚNG PHƯỚC ĐẾN THÂN BẰNG QUYẾN THUỘC ĐÃ QUÁ VÃNG

Idaṃ no ñātīnaṃ hotu sukhitā hontu ñātayo *(Đọc 3 lần)*

Do sự phước báo mà chúng con đã trong sạch làm đây. Xin hồi hướng đến thân bằng quyến thuộc đã quá vãng, cầu mong cho các vị ấy hằng được sự yên vui. *(Lạy)*

CẦU NGUYỆN GIẢI THOÁT

Idaṃ vata me puññnaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu ānagate *(Lạy)*

Do sự phước báo mà chúng con đã trong sạch làm đây, hãy là món duyên lành, để dứt khỏi những điều ô nhiễm, ngủ ngầm nơi tâm trong ngày vị lai. *(Lạy)*